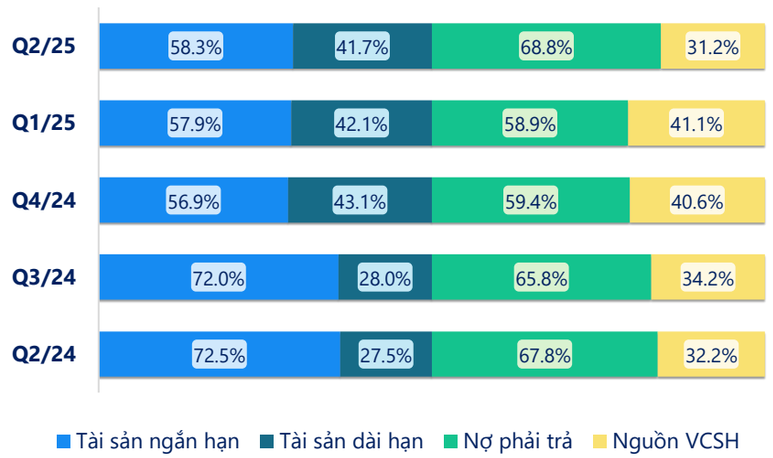
FireAnt

CTCP Than Cao Sơn - TKV (HNX: CST)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	42,846,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,345
% sở hữu nước ngoài	4.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	673
P/E	-86.0
EPS	-183

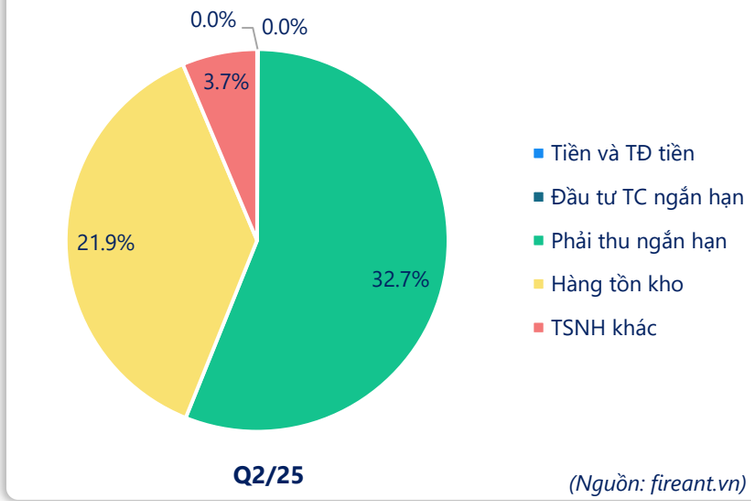
	YTD	1T	3T	6T
CST	-30.4%	-1.3%	-28.0%	-30.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



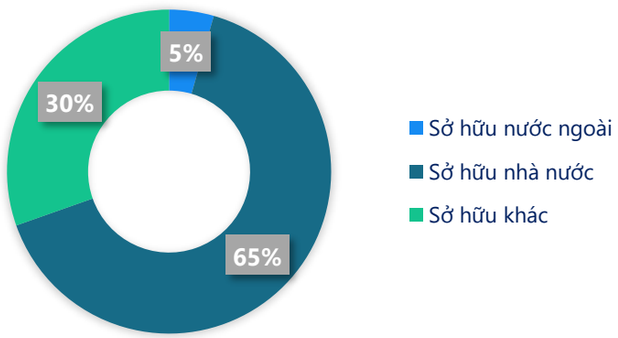
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



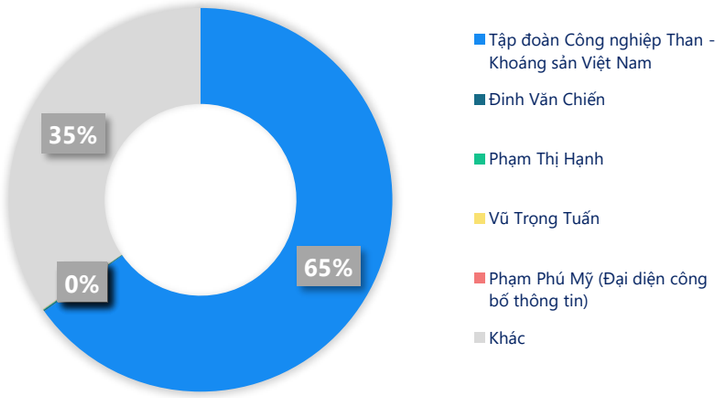
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



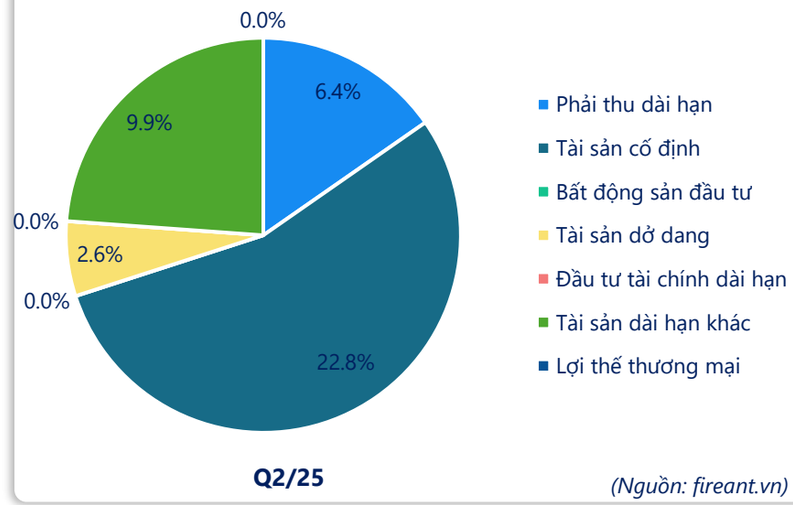
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

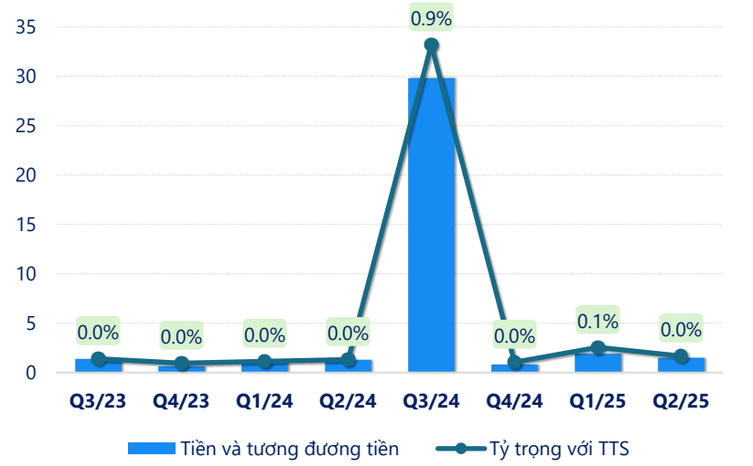


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

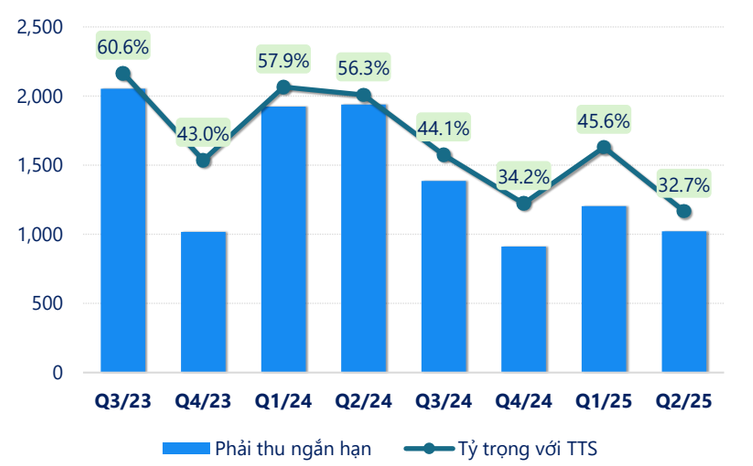
CTCP Than Cao Sơn - TKV (HNX: CST)

Tiền và tương đương tiền



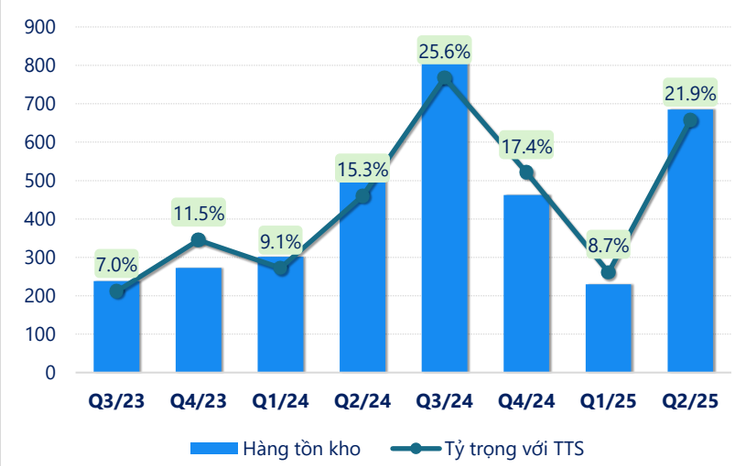
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



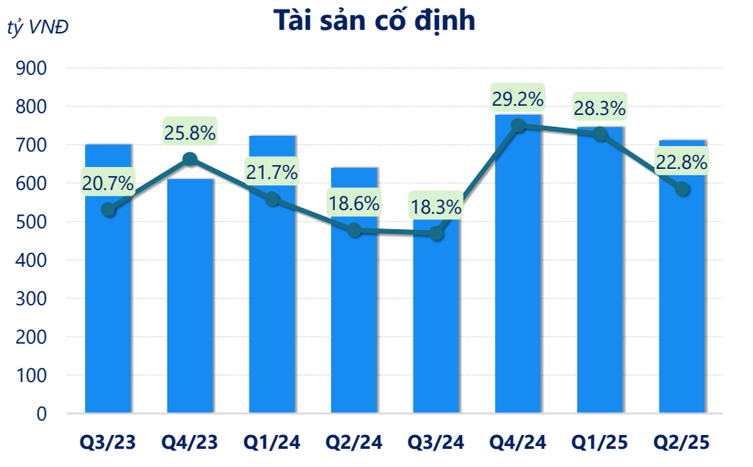
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



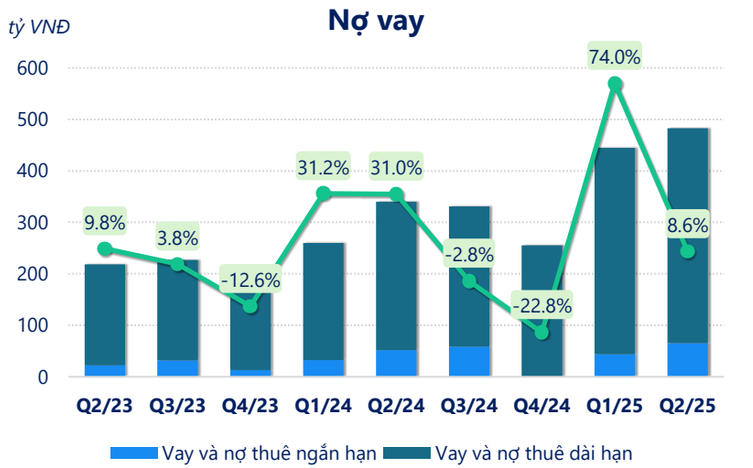
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



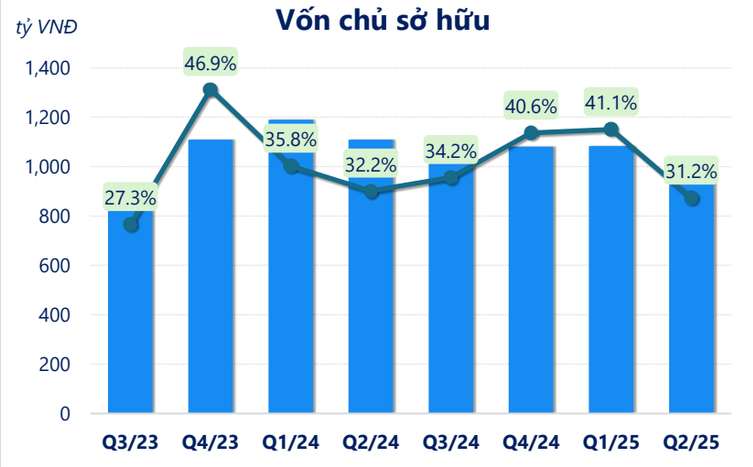
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

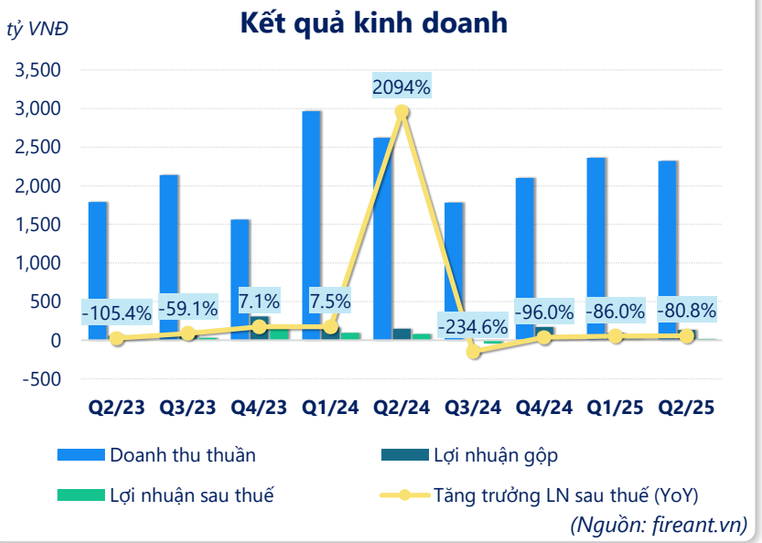


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

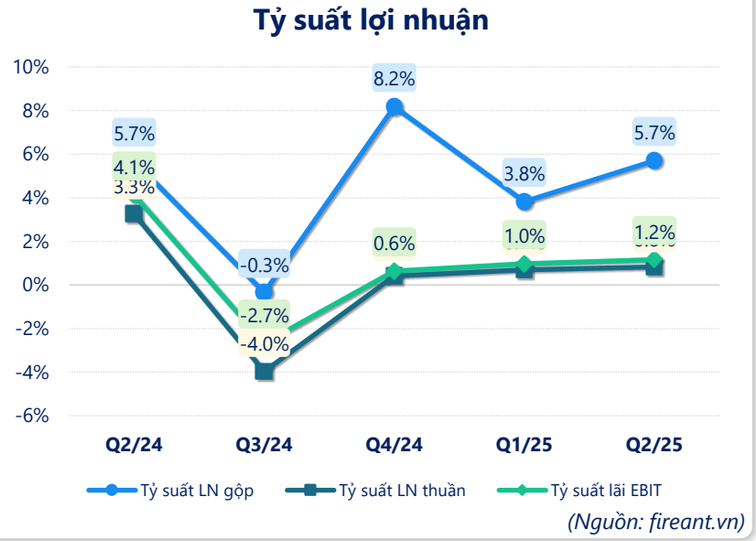
CTCP Than Cao Sơn - TKV (HNX: CST)

Kết quả kinh doanh



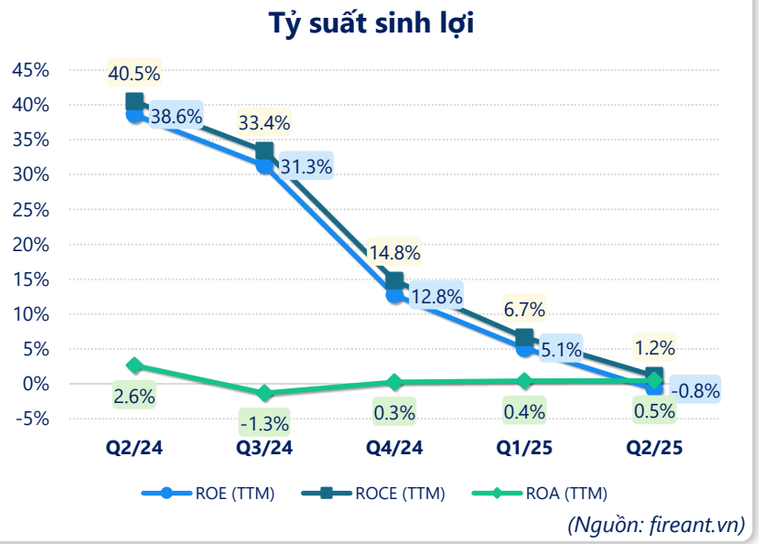
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



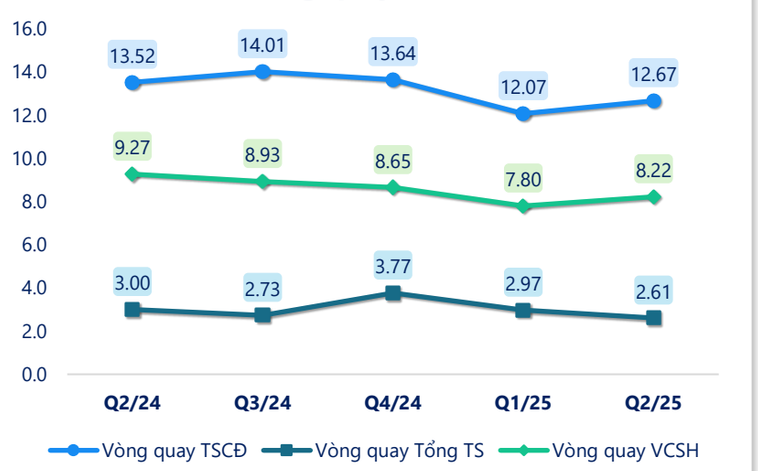
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



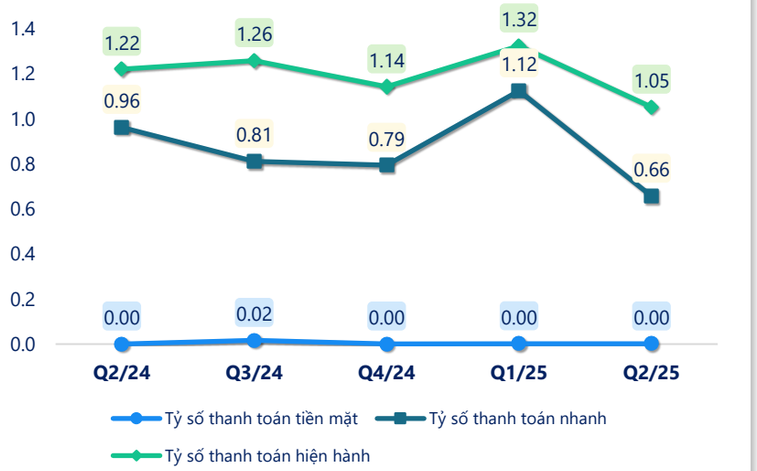
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



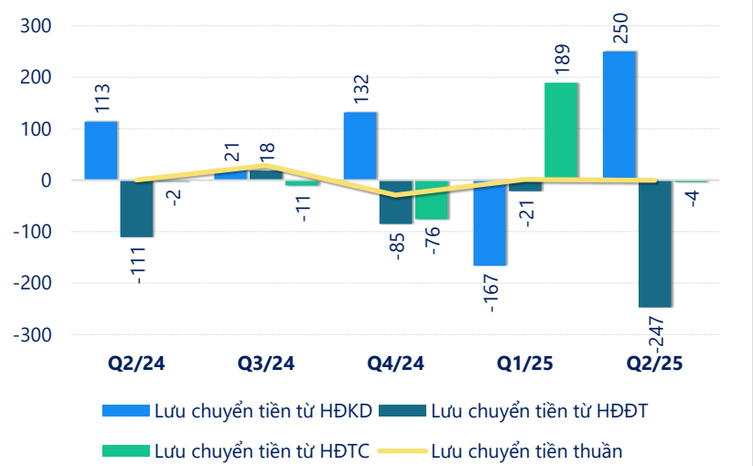
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Than Cao Sơn - TKV (HNX: CST)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,124**	**2,651**	**17.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,823	1,499	21.6%
Tiền và tương đương tiền	1.50	0.80	87.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,021	892	14.5%
Hàng tồn kho	685	462	48.1%
Tài sản ngắn hạn khác	116	144	-19.6%
Tài sản dài hạn	**1,301**	**1,153**	**12.9%**
Phải thu dài hạn	199	191	4.2%
Tài sản cố định	712	783	-9.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	79.8	27.3	192%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**310**	**151**	**105%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,150	1,581	36.0%
Nợ ngắn hạn	**1,732**	**1,325**	**30.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	65.3	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	764	899	-15.0%
Nợ dài hạn	418	255	63.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	418	255	63.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**974**	**1,071**	**-9.0%**
Vốn chủ sở hữu	**974**	**1,071**	**-9.0%**
Vốn điều lệ	428	428	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	2,619	1,782	2,100	2,360	2,320
Giá vốn hàng bán	2,470	1,789	1,928	2,270	2,188
Lợi nhuận gộp	148	-6.17	172	90.2	132
Doanh thu HĐTC	1.47	1.43	1.43	1.49	1.52
Chi phí TC	5.49	5.87	4.85	7.11	7.51
Chi phí lãi vay	5.49	5.87	4.85	7.11	7.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.68	0.91	1.69	1.03	1.01
Chi phí QLDN	57.5	59.2	158	67.2	106
LN thuần từ HĐKD	85.3	-70.8	8.73	16.4	19.3
Lợi nhuận khác	17.2	17.4	-0.18	-0.37	0.26
LN trước thuế	102	-53.4	8.55	16.0	19.5
Lợi nhuận sau thuế	81.9	-42.8	6.69	12.7	15.6
LNST của CĐ cty mẹ	81.9	-42.8	6.69	12.7	15.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	113	21.0	132	-167	250
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-111	18.4	-85.2	-21.2	-247
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.31	-10.8	-75.7	189	-3.65
Tiền đầu kỳ	1.10	1.30	29.8	0.80	1.92
Lưu chuyển tiền thuần	**0.21**	**28.5**	**-29.0**	**1.12**	**-0.42**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.30	29.8	0.80	1.92	1.50

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic